

Bản án số: 31/2018/HS-ST

Ngày 04-10- 2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Chất.

Thẩm phán: Ông Nguyễn Huy Hiệu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Bích Liên.

2. Ông Phạm Công Định.

3. Bà Dương Thị Kim Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Mai Trang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:
Bà Đào Thị Huế - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 33/2018/TLST-HS ngày 29 tháng 8 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2018/QĐXXST-HS ngày 20 tháng 9 năm 2018 đối với các bị cáo:

Đồng Thị M – sinh năm 1952, tại: Xã GL, huyện GL1, tỉnh Hải Dương; Nơi cư trú: Thôn LD, xã GL, huyện GL1, tỉnh Hải Dương; Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 4/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đồng Văn D (đã chết) và bà Phạm Thị B (đã chết); Chồng là Dương Văn T (đã chết); có 04 con, lớn sinh năm 1973, nhỏ sinh năm 1987; Tiền án: Bản án sơ thẩm hình sự số 84/2003/HS-ST ngày 20/6/2003 của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương và bản án phúc thẩm số 1456/2003/HS-PT ngày 01/10/2003 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Hà Nội, xét xử đối với Đồng Thị M về tội Lưu hành tiền giả theo quy định tại khoản 3 Điều 180 BLHS, với mức hình phạt 10 năm tù, M đã chấp hành xong hình phạt tù. Còn tiền phạt 8.000.000 đồng và tiền tịch thu sung quỹ nhà nước 32.000.000 đồng đến nay M chưa thi hành; Tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 05/5/2018, chuyển tạm giam từ ngày 11/5/2018 tại trại tạm giam - Công an tỉnh Hải Dương (Có mặt).

Dương Thị Th , sinh ngày 10 tháng 6 năm 1976, tại: Xã GL, huyện GL1, tỉnh Hải Dương; Nơi cư trú: Thôn LD, xã GL, huyện GL1, tỉnh Hải Dương; Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Dương Văn T (*đã chết*) và Đồng Thị M, sinh năm: 1952; có chồng là Ngô Văn Q vào có 03 con, lớn sinh năm 1991, nhỏ sinh năm 2013; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Năm 2003 bị Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xử phạt 13 năm tù về tội Lưu hành tiền giả, ra tù năm 2011 theo Giấy chứng nhận đặc xá ngày 30/8/2011 của Trại tạm giam Hoàng Tiến- Tổng cục VIII- BCA, Th đã chấp hành xong phần án phí, tiền phạt và tiền tịch thu sung quỹ nhà nước ngày 22/7/2011; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 05/5/2018, chuyển tạm giam từ ngày 11/5/2018 tại trại tạm giam – Công an tỉnh Hải Dươn (Có mặt).

Người bào chữa cho các bị cáo: Ông **Trần Đại B1**, văn phòng luật sư TĐ thuộc Đoàn luật sư tỉnh Hải Dương (có mặt).

-Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Anh **Ngô Văn Q**, sinh năm 1971;

Địa chỉ: Thôn LD, xã GL, huyện GL1, tỉnh Hải Dương (có mặt).

- Người làm chứng:

+ Anh **Đoàn Văn Đ**, sinh năm 1986;

Địa chỉ: Xã YK, huyện GL1, tỉnh Hải Dương (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đồng Thị M là đối tượng không nghề nghiệp. Cách đây khoảng 20 năm M sang PC- Trung Quốc gần cửa khẩu TT thuộc huyện VL, tỉnh Lạng Sơn buôn bán tự do. Tại đây, M có quen biết một người đàn ông quốc tịch Trung Quốc khoảng 60 tuổi (*không biết tên tuổi, địa chỉ*) làm nghề bốc vác và nói được tiếng Việt Nam. Cách đây khoảng 2 năm thì M về Việt Nam sinh sống và ở hẳn Việt Nam, từ đó đến nay M không liên lạc gì với người đàn ông này và cũng không cho địa chỉ nơi M sinh sống. Sáng ngày 03/5/2018, người đàn ông quốc tịch Trung Quốc này đến nhà M chơi. Khi nói chuyện, biết hoàn cảnh gia đình M khó khăn, M thường xuyên ồm ầu nên người đàn ông này đưa cho M 01 túi nilon và nói " *Chị cầm túi nilon này trong đó có gần 60.000.000 đồng tiền giả để chữa bệnh và chi tiêu*", M đồng ý nhận số tiền này. Sau khi người đàn ông trên ra về, M mở túi nilon ra xem thì thấy bên trong có 03 cọc tiền, mệnh giá 200.000 đồng, tiền Polime mới, màu vàng hơn so với tiền thật, M xác định là tiền giả (*vì trước đây M đã bị kết án về tội Lưu hành tiền giả*). Do sợ đề tiền giả ở nhà sẽ bị cơ quan chức năng phát hiện nên khoảng 16 giờ cùng ngày, M gọi điện thoại cho con gái mình là Dương Thị Th, sinh năm 1976 ở cùng thôn bảo

sang nhà có việc. Th điều khiển xe máy nhãn hiệu Lifan BKS 34K6- 7211 của gia đình Th đi sang nhà M. M đưa túi nilon chứa tiền giả cho Th và nói "*mang về cất giấu, không được để ở nhà, không được nói cho chồng con biết, khi nào mẹ gọi thì mang sang cho mẹ*". Th đồng ý cầm túi nilon và hỏi M "*đây là cái gì*" thì M trả lời là "*tiền giả*". Biết là tiền giả nhưng Th vẫn đồng ý rồi điều khiển xe máy BKS 34K6- 7211 mang túi tiền giả đi cất giấu trong bụi cây ở ven đường 3 thuộc thôn LD, xã GL, huyện GL1 cách nhà Th khoảng 500 mét.

Khoảng 11 giờ 00' ngày 05/5/2018, khi M đang ở nhà thì có anh H là người quen biết M từ năm 2017 (*M không biết rõ địa chỉ, họ tên cụ thể của H*) đi xe ôm đến nhà M chơi. Do muốn khoe với anh H về việc được người đàn ông Trung Quốc cho nhiều tiền nên M gọi điện thoại cho Th bảo đem túi tiền giả sang cho M. Th điều khiển xe máy nhãn hiệu Lifan BKS 34K6- 7211 ra chỗ đã cất giấu tiền giả trước đó, lấy túi nilon đựng tiền giả này đem đến nhà đưa cho M. Khi đến nhà M, lúc này tại sân nhà M có anh Đoàn Văn Đ- SN: 1986 ở xã YK, huyện GL1, tỉnh Hải Dương (*là người lái xe ôm chở anh H*) đang ngồi trên xe máy chờ anh H. Th dựng xe máy ở sân, cầm túi nilon có tiền giả vào trong phòng khách và để túi nilon này trên mặt bàn uống nước, M mở túi nilon lấy ra 03 tập tiền loại mệnh giá 200.000 Việt Nam đồng và để trên mặt bàn. Khi M vừa đặt 03 tập tiền này lên bàn ngay sau đó lực lượng Công an đến, Th cho 3 tập tiền giả vào túi nilon để cất đi nhưng không kịp thì bị lực lượng Công an phát hiện bắt quả tang, thu giữ trên mặt bàn uống nước 02 túi nilon bên trong có 03 tập tiền Polime loại mệnh giá 200.000 Việt Nam Đồng, tổng số là 289 tờ.

Kết luận giám định số 20 ngày 09/5/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hải Dương, kết luận: 289 tờ giấy bạc loại Polyme mệnh giá 200.000 Việt Nam Đồng, ký hiệu từ A1 đến A289 gửi đến giám định đều là tiền giả.

Tại bản cáo trạng số 34/CT-VKS-P1 ngày 22/8/2018, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương truy tố Đồng Thị M và Dương Thị Th về tội Tàng trữ tiền giả theo Khoản 3 Điều 207 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa: Các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, công nhận Quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương là đúng và đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Người bào chữa cho bị cáo trình bày: Các bị cáo đã thực hiện hành vi như Viện kiểm sát truy tố, các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, đề nghị HĐXX xử cho bị cáo Th dưới khung hình phạt, bị cáo M mức khởi điểm của khung.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Q trình bày: Đối với chiếc xe máy Biển kiểm soát 34K6-7211, đây là tài sản của vợ chồng, anh đề nghị HĐXX giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương giữ nguyên quyết định

truy tố. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Đồng Thị M và Dương Thị Th phạm tội Tàng trữ tiền giả. Áp dụng khoản 3 điều 207, điểm s khoản 1 điều 51, điều 38, điều 58 BLHS đối với cả hai bị cáo; Áp dụng thêm điểm x khoản 1 điều 51, điểm h khoản 1 điều 52 BLHS đối với bị cáo M; Áp dụng thêm khoản 2 điều 51 BLHS đối với bị cáo Th. Xử phạt bị cáo ĐồngThị M từ 12 đến 13 năm tù, thời gian kể từ ngày tạm giữ 05/5/2018; Bị cáo Dương Thị Th từ 10 đến 11 năm tù, thời gian kể từ ngày tạm giữ 05/5/2018. Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị về xử lý vật chứng và nghĩa vụ chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng và Người bào chữa, phù hợp với quy định của pháp luật Tố tụng hình sự, các văn bản tố tụng được tổng đạt hợp lệ và đầy đủ, không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Lời khai của các bị cáo như tại Cơ quan điều tra, phù hợp với nhau, phù hợp với biên bản phạm tội quả tang, kết luận giám định và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, như vậy có đủ cơ sở kết luận: Từ ngày 3/5/2018 đến ngày 05/5/2018, bị cáo Đồng Thị M và Dương Thị Th đã có hành vi cất giấu 57.800.000 đồng tiền Ngân hàng nhà nước Việt Nam giả, tại bụi cây ven đường 3 thuộc thôn LD, xã GL, huyện GL1, tỉnh Hải Dương, sau đó chuyển về nhà ở của bị cáo M thì bị phát hiện bắt quả tang. Vật chứng thu được gồm 289 tờ tiền giả, loại mệnh giá 200.000 Việt Nam đồng. Hành vi của các bị cáo đã cấu thành tội Tàng trữ tiền giả, tội phạm và hình phạt được quy định tại điều 207 BLHS. Số lượng tiền giả mà các bị cáo tàng trữ có giá trị tương ứng 57.800.000đ đồng cho nên phải chịu trách nhiệm hình sự theo khoản 3 điều 207 BLHS. Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương truy tố các bị cáo là có căn cứ và phù hợp với pháp luật.

[3] Hành vi của các bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng, đã xâm phạm đến chế độ quản lý về tiền tệ của Nhà nước, làm ảnh hưởng đến sự phát triển của nền kinh tế, xâm phạm quyền lợi của người dân, cơ quan, tổ chức khi trao đổi hàng hóa tiền tệ, ngoài ra còn gây mất trật tự trị an xã hội trên địa bàn. Các bị cáo nhận thức rõ hành vi cất giấu tiền giả là vi phạm pháp luật nhưng vì hám lời nên các bị cáo vẫn cố ý thực hiện, điều đó thể hiện sự coi thường pháp luật của Nhà nước. Để giáo dục các bị cáo trở thành người tốt cũng như răn đe phòng ngừa đối với các hành vi tương tự cần nên cho các bị cáo mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của từng bị cáo gây ra.

[4] Đây là vụ án đồng phạm mang tính giản đơn, không có sự bàn bạc từ trước. Cho nên cần xem xét vai trò, vị trí của từng bị cáo trong vụ án để quyết định hình phạt cho phù hợp. Đối với bị cáo M là người nhận tiền giả từ người khác, chủ động trong việc tàng trữ, lôi kéo bị cáo Th vào việc cất giấu tiền giả để chờ cơ hội lưu hành, nên bị cáo M giữ vai trò chính trong vụ án. Đối với bị cáo Th, biết là tiền giả nhưng muốn giúp bị cáo M là mẹ đẻ mình nên đã có hành vi cất giữ, tạo cơ hội cho mẹ có điều kiện lưu hành tiền giả, bị cáo Th là người thực hiện tội phạm tích cực, với vị trí, vai trò sau bị cáo M.

[5] Xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo: Bị cáo M có nhân thân không tốt đã từng bị kết án. Bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đó là năm 2003 đã bị kết án về tội đặc biệt nghiêm trọng, chưa được xóa án tích vì chưa thi hành xong khoản tiền phạt nay lại phạm tội đặc biệt nghiêm trọng nên phải chịu tình tiết tái phạm nguy hiểm, quy định tại điểm h khoản 1 điều 52 BLHS. Bị cáo M được hưởng các tình tiết giảm nhẹ đó là khai báo thành khẩn, biết ăn năn hối cải, Bố đẻ bị cáo (ông D) là liệt sĩ, các tình tiết giảm nhẹ này được quy định theo điểm s, x khoản 1 điều 51 BLHS; Đối với bị cáo Th có nhân thân không tốt đã bị kết án, tuy nhiên đến ngày phạm tội lần này đã được xóa án. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự mà được hưởng các tình tiết giảm nhẹ đó là khai báo thành khẩn, biết ăn năn hối cải, có bố chồng là liệt sĩ, các tình tiết giảm nhẹ này được quy định tại điểm s khoản 1,2 điều 51 BLHS.

[6] Căn cứ vào quy định của Bộ luật hình sự, cân nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng trách nhiệm hình sự. Hội đồng xét xử thấy hành vi của các bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng, các bị cáo đã từng bị kết án về tội Lưu hành tiền giả nhưng không lấy đó làm bài học mà lại tiếp tục phạm tội. Tuy nhiên các bị cáo đều có trình độ học vấn thấp, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Do vậy chỉ cần áp dụng mức hình phạt tù có thời hạn đối với các bị cáo, cũng đủ tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung có hiệu quả.

[7] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo đều không có công việc ổn định, điều kiện kinh tế khó khăn, nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[8] Về xử lý vật chứng:

[8.1] Đối với 289 tờ tiền Polyme mệnh giá 200.000 đồng hoàn lại sau giám định là vật pháp luật cấm lưu hành; 01 túi nilong màu trắng; 01 túi nilong màu đen là vật không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu cho tiêu hủy.

[8.2] Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Viettel gắn sim số 01634775258; 01 điện thoại di động Samsung màu xanh đen gắn sim số 01638463081 là điện thoại các bị cáo sử dụng để liên lạc nhằm thực hiện hành vi phạm tội, hiện vẫn còn giá trị, nên cần tịch thu sung công quỹ nhà nước.

[8.3] Đối với chiếc xe máy nhãn hiệu Lifan, biển kiểm soát 34K6-7211 và giấy đăng ký xe mô tô 0070556 mang tên Nguyễn Văn Thọ, bị cáo Th sử dụng vào việc thực hiện hành vi phạm tội: Chiếc xe máy là tài sản chung của vợ chồng Th và anh Q, anh Q không biết bị cáo Th dùng xe để thực hiện tội phạm, nên cần tịch thu sung quỹ nhà nước $\frac{1}{2}$ giá trị chiếc xe máy, phần còn lại trả cho anh Q.

[8.4] 01 giấy thông hành mang tên Đồng Thị M, đến nay đã hết thời hạn, cần lưu hồ sơ vụ án.

[9] Về án phí: Các bị cáo phạm tội nên phải chịu án phí sơ thẩm hình sự. Tuy nhiên bị cáo M là người cao tuổi nên được miễn án phí là phù hợp với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 23, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[10] Đối với người đàn ông quốc tịch Trung Quốc, M khai là người cho M tiền giả nhưng M không biết tên, tuổi, địa chỉ của người này, Cơ quan an ninh điều tra tiếp tục xác minh khi nào có căn cứ sẽ xử lý sau. Đối với người đàn ông khai tên là Nguyễn Văn H, quá trình điều tra xác định: Biết M có tiền giả do M đem ra khoe nhưng không được M nhờ tiêu thụ, bán hộ nên không có căn cứ để xử lý.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 207, điều 38, điều 47, điểm s khoản 1 điều 51, điều 58 BLHS đối với cả hai bị cáo; Áp dụng thêm điểm h khoản 1 Điều 52, điểm x khoản 1 Điều 51 BLHS đối với bị cáo M; Áp dụng thêm khoản 2 điều 51 BLHS đối với bị cáo Th; Điều 106, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố bị cáo Đồng Thị M và bị cáo Dương Thị Th phạm tội “Tàng trữ tiền giả”.

Xử phạt bị cáo Đồng Thị M 14 năm tù. Thời hạn tính từ ngày tạm giữ 05/5/2018.

Xử phạt bị cáo Dương Thị Th 11 năm tù. Thời hạn tính từ ngày tạm giữ 05/5/2018.

2. Về vật chứng:

- Tịch thu cho tiêu hủy 289 tờ tiền Polyme mệnh giá 200.000 đồng hoàn lại sau giám định đựng trong 01 Bì niêm phong số 20/KLGĐ; 01 túi nilong màu trắng; 01 túi nilong màu đen.

- Tịch thu sung Ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Viettel gắn sim số 01634775258; 01 điện thoại di động Samsung màu xanh đen gắn sim số 01638463081 đựng trong 01 bì niêm phong có dấu và chữ ký của Trần Đại B1, Dương Thị Th, Đồng Thị M.

- Tịch thu phát mại sung Ngân sách nhà nước ½ giá trị chiếc xe máy màu nâu có biển kiểm soát 34K6-7211 đã cũ do Trung Quốc sản xuất, có giấy đăng ký xe mô tô 0070556 mang tên Nguyễn Văn Thọ; Phần giá trị còn lại trả cho anh Ngô Văn Q.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng tài sản ngày 24/8/2018 giữa Công an tỉnh Hải Dương và Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương).

- Lưu hồ sơ vụ án 01 giấy thông hành mang tên Đồng Thị M đã hết hạn sử dụng.

2. Về án phí: Bị cáo Đồng Thị M không phải chịu án phí sơ thẩm hình sự. Bị cáo Dương Thị Th phải chịu 200.000 đồng án phí sơ thẩm hình sự.

3. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm. Thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- VKSND Cấp cao tại Hà Nội;
- CQCSĐT-CA tỉnh Hải Dương;
- CQT.H.A hình sự - CA tỉnh Hải Dương;
- Trại tạm giam CA tỉnh Hải Dương;
- Phòng HSNV- CA tỉnh Hải Dương;
- Cục T.H.A dân sự tỉnh Hải Dương;
- Sở Tư Pháp tỉnh Hải Dương;
- Bị cáo; người bào chữa;
- Người có QLNVLQ;
- Lưu HS, Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Chất